

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày 7 - 9 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tòng Thị Hiền.

- *Thẩm phán:* Bà Lại Thị Hiếu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Nga; bà Bùi Thị Đào; bà Vi Thị Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Tráng A G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999, tại xã V, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã V, tỉnh Sơn La; số CCCD: 014099003007; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Tráng A V và bà Giàng Thị C; vợ là Sòng Thị C1 và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/04/2026 đến nay Có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Đặng Văn Q- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 00 phút ngày 19/4/2026, tổ công tác Công an xã C, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại bản Dúp Kén, xã C, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang Tráng A đang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 05 gói nilon (01 gói màu hồng và 04 gói màu xanh), trong có các viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp (G khai nhận số viên nén trên là hồng phiến, cất giữ mục đích

bán kiếm lời).

Cùng ngày 19/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) C3 bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích mẫu gửi giám định đối với vật chứng thu giữ, kết quả: Bên trong 05 túi nilon (gồm 01 gói màu hồng và 04 gói màu xanh) có 962 viên nén màu hồng = 102,14 gam (trích toàn bộ làm mẫu gửi giám định đánh ký hiệu từ G1 đến G5).

Kết luận giám định số 712/KL-KTHS ngày 24/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: “Mẫu giám định ký hiệu G1, G2, G3, G4, G5 là ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là G1 = 20,93 gam, G2 = 21,13 gam, G3 = 21,32 gam, G4 = 21,19 gam, G5 = 17,57 gam”. H lại đối tượng giám định gồm: Các viên nén màu hồng trên bề mặt có ký hiệu WY, ký hiệu G1, G2, G3, G4, G5 có khối lượng G1 = 20,86 gam, G2 = 21,07 gam, G3 = 21,24 gam, G4 = 21,11 gam, G5 = 17,50 gam.

Quá trình điều tra Tráng A G khai nhận:

Khoảng 08 giờ ngày 18/4/2026, T A G mang theo 6.000.000 đồng, mục đích đến khu vực cửa khẩu L tìm mua ma túy về bán kiếm lời. Khi đi bộ đến đường nhựa thuộc bản P, xã X, G thuê 01 xe taxi chở đến khu vực cửa khẩu L, tỉnh Sơn La, thanh toán hết 1.000.000 đồng. Đến nơi, G tiếp tục đi bộ theo đường mòn vào bản của người dân tộc Mông (không biết tên bản), gặp 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ). Giống hỏi mua ma túy, người đàn ông nói có bán rồi dẫn G về nhà. Tại đây, G và người đàn ông thỏa thuận mua, bán 05 túi ma túy hồng phiến với giá 5.000.000 đồng. Giống đưa tiền, người đàn ông nhận rồi đi ra khỏi nhà, khoảng 01 tiếng sau quay lại, lấy trong túi áo ra 05 túi hồng phiến. Người đàn ông dùng băng dính màu vàng, màu đen cuốn 05 túi thành 01 bọc nilon, cho vào bên trong 01 tất vải đưa cho G. Giống nhận ma túy, cất giấu vào túi áo khoác bên phải đang mặc. Sau đó, người đàn ông lấy 02 viên hồng phiến rủ G cùng sử dụng, G đồng ý. Sử dụng ma túy xong, G đi bộ theo đường mòn về nhà. Đến khoảng 03 giờ ngày 19/4/2026, G đi đến đường dân sinh thuộc bản D, xã C thì bị tổ công tác Công an xã C phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án: Giống khai mua của 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ), việc mua, bán không có ai biết, chứng kiến, Cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng vụ án.

Tại Cáo Trạng số 104/CT-VKSSLA-P1 ngày 14/8/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Tráng A G về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Bị cáo Tráng A G thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tráng A G phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy .

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tráng A G 20 (hai mươi) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy còn lại sau khi trừ mẫu giám định; 01 chiếc tất thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Tráng A G: Nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý, bị cáo không đi học, không biết chữ nên am hiểu pháp luật còn hạn chế, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 03 người con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao mở lượng khoan hồng, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

- Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hồi 03 giờ 00 phút ngày 19/4/2026, tổ công tác Công an xã C, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại bản Dúp Kén, xã C, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang Tráng A đang có hành vi cất giữ trái phép 102,14 gam Methamphetamine, mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 03 giờ 00 phút ngày 19/4/2026 tại bản Dúp Kén, xã C, tỉnh Sơn La đối với Tráng A; Biên bản bóc mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng;

Kết luận giám định số 712/KL-KTHS ngày 24/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: “*Mẫu giám định ký hiệu G1, G2, G3, G4, G5 là ma túy; Loại Methamphetamine;*”

Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc bắt người phạm tội quả tang đối với Tráng A G1; phù hợp với khối lượng ma túy, loại ma túy thu giữ và các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh nêu trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo T A G phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Tráng A G đã thực hiện: Hành vi mua bán trái phép 102,14 gam, loại Methamphetamine, vi phạm tình tiết định khung “*Heroine, C2, M, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, có mức hình phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được trợ giúp pháp lý, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với khối lượng ma túy 102,14 gam. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cao cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định. Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh của bị cáo có khó khăn, không có tài sản có giá trị, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án và đối tượng liên quan:

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án: Giống khai mua của 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ), việc mua, bán không có ai biết, chứng kiến, Cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng vụ án, buộc Giống chịu trách nhiệm đối với số ma túy nêu trên.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy: Kết quả điều tra xác định, Giống không thuộc chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự, hành vi không cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 28/7/2026, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với G về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Đối với người lái xe taxi chở G đến khu vực cửa khẩu L: Giống không biết tên, tuổi, địa chỉ, không nhớ biển số xe taxi, việc thuê xe không có ai khác biết, chứng kiến, do đó không có căn cứ mở rộng vụ án.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 101,79 gam Methamphetamine (mẫu hoàn lại sau giám định); 01 chiếc tất có hoa văn kẻ sọc đen, trắng dùng để gói ma túy. Xét thấy, chất ma túy do Nhà nước độc quyền quản lý, cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Tráng A G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Tráng A G 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/04/2026).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi vật chứng còn nguyên niêm phong, bên trong chứa 101,79 gam Methamphetamine (mẫu hoàn lại sau giám định) (đã được niêm phong theo quy định).

- 01 (một) Chiếc tất có hoa văn sọc đen, trắng (đã được niêm phong theo quy định).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tráng A G.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 7/9/2026).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam công an tỉnh Sơn La;
- Phòng PC10 (Công an tỉnh Sơn La);
- Phòng PV06 (Công an tỉnh Sơn La);
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Phòng GDKT-THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền